

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **163/2020/HS-PT**

Ngày 16 - 7 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Đức;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đình Triết và ông Y Phi Kbuôr.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khắc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 114/2020TLPT-HS ngày 06 tháng 5 năm 2020 đối với bị cáo Trần Đình T, về các tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức*”. Do có kháng cáo của bị cáo và Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2020/HS-ST ngày 13/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo có kháng cáo và bị kháng nghị:

Họ và tên: **Trần Đình T**, sinh năm 1952, tại huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: Thôn N, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Đình H và bà Nguyễn Thị E (đều đã chết); bị cáo có vợ là Nguyễn Thị L; có 04 con, con lớn nhất sinh năm 1978, nhỏ nhất sinh năm 1988.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú- Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Trần Công Ly T – Văn phòng Luật sư Trần Công Ly T – Đoàn Luật sư TP. Hồ Chí Minh. Địa chỉ: Đường P, phường A, Quận B, Tp Hồ Chí Minh. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Trần Đình T tham gia quân đội nhân dân Việt Nam từ tháng 01/1972, công tác tại đơn vị Trung đoàn 175 thuộc Tỉnh đội Nghệ An. Trong thời gian tham gia quân đội, bị cáo T chỉ bị thương nhẹ, nhưng không được cấp giấy chứng nhận bị thương, đến ngày 10/6/1977, bị cáo T chuyển ngành về làm công nhân tại xí nghiệp gỗ 26/3 tại huyện Đ, tỉnh

Hà Tĩnh. Đến năm 1987 cùng gia đình chuyển đến sinh sống tại thôn N, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk cho đến nay.

Năm 2009, bị can Nguyễn Hữu C trú tại thôn T, xã E, huyện N, tỉnh Đắk Lắk đến nhà bị cáo đặt vấn đề về việc làm hồ sơ thương binh giả cho bị cáo T thì bị cáo đồng ý. Sau đó bị can C mang đến nhà bị cáo T các giấy tờ giả, bị cáo T cung cấp thông tin cá nhân trong thời gian tham gia quân đội cho bị can C.

Tại nhà bị cáo, bị can C tự tay viết, ghi thông tin cá nhân trong thời gian tham gia quân đội vào bản khai cá nhân cho bị cáo T, trong lúc bị can C đang viết thì có ông Nguyễn Đình H đến nên bị can C hướng dẫn cho ông H ghi điền thông tin cá nhân trong thời gian tham gia quân đội của bị cáo T vào trong Quyết định phục viên số 240 ngày 15/6/1977 do Trung tá Lê Trọng G - Thủ trưởng Trung Đoàn 870 ký cấp cho bị cáo Trần Đình T. Sau đó C đưa 01 Giấy chứng nhận bị thương số 440 ngày 30/4/1973 do Trung tá Trần Đình S – Thủ trưởng Trung đoàn 870 ký cấp cho bị cáo Trần Đình T; 01 Quyết định phục viên số 240 ngày 15/6/1977; 01 đơn xin giám định thương tật; 01 bản khai cá nhân cho bị cáo T và hướng dẫn bị cáo T đi ký chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện K. Sau khi ký xong, bị cáo T đưa toàn bộ giấy tờ này cho bị can C để bị can C đi nộp tại Bộ C huy quân sự tỉnh Đắk Lắk.

Đến năm 2010, bị cáo T được Hội đồng giám định y khoa quân khu 5 giám định tỷ lệ thương tật là 33% và được Phòng Lao động – Thương binh và Xã Hội huyện K chi trả tiền trợ cấp hàng tháng. Kể từ tháng 9/2010 đến tháng 11/2015 tổng số tiền bị cáo T đã chiếm đoạt của nhà nước là 103.119.000 đồng, sau đó hành vi làm hồ sơ thương binh giả của bị cáo T bị phát hiện. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Đắk Lắk đã ra các Quyết định số 857/QĐ/SLĐTBXH ngày 30/11/2015 và Quyết định số 62 ngày 17/5/2017 về việc tạm đình chỉ và đình chỉ trợ cấp hàng tháng chế độ thương binh đối với bị cáo T, đồng thời truy thu số tiền đã cấp cho bị cáo T là 103.119.000 đồng, bị cáo đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền này.

Về việc thỏa thuận trả tiền công làm hồ sơ thương binh giả: Theo thỏa thuận thì T phải trả cho bị can C số tiền là 20.000.000 đồng nhưng do chỗ quen biết nên bị can C bớt cho bị cáo T 1.000.000 đồng, bị cáo còn phải trả cho bị can C số tiền công là 19.000.000 đồng. Sau khi chứng thực hồ sơ thương binh giả xong thì bị cáo đã trả cho bị can C số tiền 14.000.000 đồng, cộng với số tiền 5.000.000 đồng bị can C mượn trước đó thì bị cáo T đã trả xong tiền công cho bị can C. Ngoài ra khi có giấy báo đi giám định thương tật, bị cáo T đưa tiếp cho bị can C số tiền 3.000.000 đồng, tổng cộng số tiền bị cáo đã trả tiền công cho bị can C là 22.000.000 đồng. Khi bị cáo trả tiền công cho bị can C không viết giấy nhận tiền, cũng không có người chứng kiến, theo lời khai của bị can C thì C thỏa thuận việc làm hồ sơ cho bị cáo T với số tiền là 13.000.000 đồng và đã nhận tiền công làm hồ sơ hưởng chế độ thương binh của bị cáo T là 14.000.000 đồng, trong đó tiền xăng xe đi lại là 500.000 đồng.

Tại bản kết luận giám định số 393/PC 54 ngày 10/5/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: *Chữ viết mang tên Trần Đình T trong tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ viết mang tên Nguyễn Hữu C trong tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 là do cùng một người viết ra.*

Tại Công văn số 304^{GM}/QI-KHTC ngày 02/5/2018 của Cục quân lực thuộc Bộ tổng tham mưu trả lời: *Trong cơ sở dữ liệu giải mã ký hiệu, phân hiệu đơn vị qua các cuộc chiến tranh giải phóng và bảo vệ Tổ quốc, có đoàn 870 thuộc BTL 959 giai đoạn 1970-1975 tham gia chiến đấu trên đất Lào. Hiện nay Đoàn 870 thuộc BTL 959 đã giải thể; do cơ sở dữ liệu chưa đầy đủ nên chúng tôi chưa thể giải mã được đơn vị D7 thuộc Đoàn 870*”.

Tại Thông báo kết quả giám định số 62/GĐKTHS-P11 ngày 25/5/2016 của Phòng giám định kỹ thuật hình sự Bộ Quốc Phòng có kết quả: *Nhận xét giấy chứng nhận bị thương số 440/Cn, đề ngày 30/4/1973 của Đoàn 870, ghi cấp cho ông Trần Đình T, sinh năm 1952 – ký hiệu A95:*

- *Phân chữ in phôi tài liệu được hình thành bằng hạt mực laze.*

- *Hình dấu trên tài liệu và hình dấu mang tên “Trung đoàn 4, ghi cấp cho ông Phan Xuân B, nguyên quán: N,Đ, Nghệ An ký hiệu A94 được đóng ra từ hai con dấu sử dụng công nghệ khắc Laze; hai con dấu này sử dụng cùng một phôi hoa văn hình quốc huy trong quá trình chế bản, C thay đổi các chữ thể hiện nội dung hình dấu.*

Tại công văn số 05 ngày 24/7/2017 của Văn phòng Bộ Quốc phòng trả lời: Mẫu dấu đóng vào Quyết định phục viên số 240/QĐ ngày 15/6/1977 không phải Văn phòng Bộ Quốc Phòng khắc và cấp.

Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2020/HS-ST ngày 19/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Đình T phạm các tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

- Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 139, Điều 33, điểm b, p, s khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Trần Đình T 09 (chín) tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999, Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13; khoản 3 Điều 7, Điều 36, khoản 1 Điều 341; điểm i, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt: Bị cáo Trần Đình T 06 tháng cải tạo không giam giữ về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”. Miễn việc khấu trừ thu nhập cho bị cáo T.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội, bị cáo Trần Đình T phải chấp hành là 11 (mười một) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định

Sau khi xét xử phúc thẩm, bị cáo Trần Đình T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo. Ngày 24/4/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk kháng nghị bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk sửa bản án theo hướng xử phạt bị cáo T theo điểm c khoản 2 Điều 267 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”; đề nghị tăng mức hình phạt tù đối với bị cáo T về cả 2 tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”;

Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Bản cáo trạng và Bản án sơ thẩm đã nêu cũng như lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, tại cơ quan điều tra và giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk giữ nguyên nội dung quyết định Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139; điểm c khoản 2 Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999 điểm b, p, s khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999, Xử phạt bị cáo Trần Đình T từ 01 năm tù đến 01 năm 03 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và từ 09 tháng tù đến 01 năm tù về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để tổng hợp hình phạt. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội, bị cáo Trần Đình T phải chấp hành là từ 01 năm 09 tháng tù đến 02 năm 03 tháng tù.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày quan điểm tranh luận: Đồng tình với quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về tội danh. Tuy nhiên luật sư cho rằng việc Viện kiểm sát đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 267 Bộ luật hình sự năm 1999 là không thỏa đáng vì tình tiết “*Gây hậu quả nghiêm trọng*” quy định không rõ ràng, không quy định cụ thể hậu quả thế nào là nghiêm trọng. Hơn nữa đại diện Viện kiểm sát đề nghị mức hình phạt của cả 02 tội là quá cao, vì bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ đáng được khoan hồng. Luật sư đề nghị y án sơ thẩm về hình phạt nhưng cho bị cáo được hưởng án treo.

Quát trình tranh luận, đại diện Viện kiểm sát không đồng ý với quan điểm của luật sư và vẫn giữ nguyên quan điểm.

Bị cáo không tranh luận gì, C đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có lưu trong hồ sơ vụ án. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố bị cáo Trần Đình T phạm các tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức*” là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo, Kháng nghị đề nghị tăng mức hình phạt đối với cả hai tội của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý hành chính nhà nước, xâm phạm quyền quản lý tài sản của Nhà nước mà còn gây ảnh hưởng xấu trong việc thực hiện chính sách của Nhà nước ta đối với người có công với cách mạng. Bị cáo thực hiện hành vi làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức và sử dụng các tài liệu này để chiếm đoạt của Nhà nước số tiền là 103.119.000 đồng nên phải xử lý bị cáo về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức*” theo điểm c khoản 2 Điều 267 Bộ luật hình sự năm 1999 với tình tiết định khung “*Gây hậu quả nghiêm trọng*”

như Kháng nghị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã nêu là phù hợp, có căn cứ.

Xét mức hình phạt 09 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và 06 tháng cải tạo không giam giữ về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức*” mà bản án sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo Trần Đình T là nhẹ, không tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Bởi vì Bản án sơ thẩm C xác định bị cáo phạm tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức*” theo khoản 1 Điều 267 Bộ luật hình sự năm 1999 và áp dụng tình tiết giảm nhẹ “*phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*” cho bị cáo nên có mức hình phạt thấp hơn điểm c khoản 2 Điều 267 Bộ luật hình sự năm 1999; Số tiền bị cáo chiếm đoạt của Nhà nước là lớn nên cần xử lý nghiêm khắc hơn đối với bị cáo.

Từ những phân tích trên xét thấy, cần chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, để sửa bản án sơ thẩm theo hướng tăng mức hình phạt đối với bị cáo về cả 2 tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức*”; không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo.

Ngoài ra, quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bị cáo đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền 103.199.000 đồng mà bị cáo đã chiếm đoạt cho Nhà nước nhưng không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả*”, theo điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với tội *Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức*” là thiếu sót, cần rút kinh nghiệm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Đối với hành vi của bị can Nguyễn Hữu C, ngày 28/6/2019 Trung tâm pháp y tâm thần tâm thần khu vực Tây nguyên đã có Kết luận giám định pháp y tâm thần số 69/KLGĐTC xác định: Bị can Nguyễn Hữu C trước, trong, sau năm 2009 và hiện tại bị can: Hạn chế khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi. Vì vậy, kiến nghị Cơ quan điều tra Công an huyện Krông Búk tỉnh Đắk Lắk tiếp tục điều tra làm rõ hành vi của bị can Nguyễn Hữu C để xử lý theo quy định của pháp luật

[5]. Án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm a khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Đình T.

Chấp nhận Kháng nghị số 14/QĐ-VKS-P7 ngày 20/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2020/HS-ST ngày 19/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

[2]. Tuyên bố: Bị cáo Trần Đình T phạm các tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội: “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức*”

- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 1999; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Trần Đình T **01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù** về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 267; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 1999; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Trần Đình T **01 (Một) năm tù** về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 1999 để tổng hợp hình phạt. Buộc bị cáo Trần Đình T phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là **02 (Hai) năm 03 (Ba) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

[3]. Kiến nghị Cơ quan điều tra Công an huyện Krông Búk tỉnh Đắk Lắk tiếp tục điều tra làm rõ hành vi của bị can Nguyễn Hữu C để xử lý theo quy định của pháp luật.

[4]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Trần Đình T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV CA tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng CSĐT CA tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp;
- TAND H. Krông Búk;
- VKSND H. Krông Búk;
- Công an H. Krông Búk;
- Chi cục THADS huyện K;
- T.H.A hình sự H. Krông Búk;
- Bị cáo;
- Công thông tin điện tử TA;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Đức